

7740

• Thỏa Ước Tây Thành

Một hội nghị đã diễn ra tại Tây Thành Thánh Thất* (Cần Thơ) ngày 15 tháng 12 năm 1972 của hàng lãnh đạo các chi phái* hiện hữu tại miền Nam cùng mang danh nghĩa Cao Đài giáo* nhưng không cùng Chánh pháp của thời sơ khai. Dù sao, đây cũng là một sự kiện lịch sử đáng lưu lại trong thời kỳ đen tối nhất của đất nước Việt Nam (lãnh thổ bị qua phân, nạn chiến tranh quốc cộng quyết liệt). Thật sự thỏa ước này không được mấy người tín đồ biết rõ mà chỉ một số ít người am tường vì nó đã ra đời non yếu nên không có tác dụng gì nhiều. Sau đây là nguyên văn:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ 48

Công bình Bác ái Từ bi

Tây Thành Thánh Thất

Tuyên Bố Chung

về lập trường thống nhất đạo của các Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Vì cơ duyên phổ khai Chánh giáo độ tận quần sanh trong buổi Hạ nguơn mặt kiếp, năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn tá danh Cao Đài dùng huyền diệu cơ bút lập ra nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

Độ tại Nam bang. Trong quá trình phổ khai nền đạo, nhiều Hội Thánh được hình thành để tùy nguyên vọng, căn duyên mà phổ độ chúng sanh mọi nơi, mọi giới. Nhưng chung qui Hội Thánh nào cũng đều nhìn nhận một Giáo lý Cao Đài, đồng hướng chung một mục đích hóa dân vi thiện giải khổ quần sanh, đồng tôn thờ một Đấng Cha Lành Ngọc Hoàng Thượng Đế. Tuy nhiên, sự hình thành và phát triển của mỗi Hội Thánh đều có bối cảnh lịch sử đặc biệt. Hình thức tổ chức có nhiều mặt khác nhau. Đôi khi những nhận thức căn bản cũng chưa đồng nhất, hình thể tự lập, tự tồn và tính chất độc lập của từng Hội Thánh biểu hiện rất rõ. Đó là một thực tế trong Đại Đạo.

Vâng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn, nhiều Hội Thánh đã biểu lộ nhiệt tình qua các công trình vận động qui thống nền đạo. Kết quả đó đã đem đến cho các Hội Thánh sự mở rộng liên giao tạo được sự thông cảm thương mến lẫn nhau, thống nhất nhiều hành động thiết thực trong cơ hành đạo, tạo tiền đề tốt đẹp cho sự hòa hợp các Hội Thánh sau này.

Nhưng ngược lại, có một số cá nhân dụng ý riêng cũng kêu gọi "thống nhất qui nguyên", nhưng trong thực tế đã tạo thêm ngờ vực.

Trong tình hình cơ đạo hiện nay, chúng ta, người môn đệ Đức Cao Đài cần có lập trường rõ rệt về sự cần thiết thống nhất đạo theo phương thức nào hợp Thánh ý và sát nguyên vọng nhơn sanh. Ý thức tầm quan trọng trên, các Hội Thánh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ họp mặt tại Tây Thành Thánh Thất (Cần Thơ) ngày mồng 10 tháng 11 Nhâm Tý (15-12-1972) nhân lễ đại tường của cố Chánh Hội Trưởng Hội giáo Cao Đài Thượng Đế, đạo hiệu Thiên Huyền Minh. Sau khi trao đổi quan điểm và mối quan tâm sâu xa trong tình thế biến chuyển hiện tại của cơ đạo, đồng đi đến nhất trí, nhận định và công bố lập trường thống nhất đạo của các Hội Thánh như sau:

1- Theo Thánh huấn của Thầy thì đạo phải đủ sức điều dẫn nhơn sanh theo đường Chánh giáo ngõ hầu truyền bá hạt giống lành của Đại Đạo khắp cả ngũ châu, đó cũng là hoài bão thiết tha của toàn thể tín hữu Cao Đài.

2- Muốn thống nhất đạo, các Hội Thánh phải thành tâm thật ý đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, đồng nhận nhau là con chung của Đấng Cha Trời, đồng tôn

Đồng Tân

thờ chủ nghĩa Đại Đồng "Công bình, Bác ái, Từ bi". 3- Tạo hoàn cảnh thuận lợi để các Hội Thánh xích lại gần nhau, hiểu biết và thật sự thương mến, tin cậy nhau, thống nhất tư tưởng, hành động chung trong việc xiển dương Chơn truyền Chánh pháp phục vụ quần sanh, xóa bỏ mọi ngăn cách đã qua để tiến tới quy nguyên thống nhất cơ đạo sau này. 4- Không tán thành mọi hình thức thống nhất bất bình đẳng, thiếu thiện chí, trá hình nhằm lợi ích riêng tư.

Mọi sự tham dự ký kết của bất kỳ Chức sắc nào không có ủy quyền của Hội Thánh, chúng tôi không thừa nhận. Làm tại Cần Thơ, 01 giờ 30 ngày 11 tháng 11 năm Đại Đạo 48 Nhâm Tý (nhằm ngày 16-12-1972).

Đại diện các Hội Thánh và Giáo hội:

1- Giáo hội Cao Đài Thống nhất Trung ương: Tổng thư ký: Chí Thành (Nguyễn bá Lạc), 2- Hội Thánh Tiên Thiên (Tòa Thánh Châu Minh): Bảo Thế Hắc Quang (Nguyễn thành Xích), 3- Hội Thánh Giáo hội Bến Tre: Ngoại viện trưởng: Bảo Học quân (Lê văn Mãi), 4- Hội Thánh Minh Chơn Đạo: Ngọc Chánh Phối sư Ngọc Hiền Thanh (Trương văn Hiền), 5- Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý: Tứ bửu Hiệp Thiên Đài, Thiện Quang (Nguyễn đức Thắng), 6- Hội Thánh Chiêu Minh (Tòa Thánh Long Châu): Phó Chuồng quân Cửu Trùng Đài, Ngọc Minh Chơn, 7- Hội Thánh Cao Thượng Bửu Tòa: Thái Chánh Phối Sư, Thái Nhứt Thanh (Chơn Thành), 8- Hội Thánh Cao Đài Thượng Đế: Trưởng lão Thiên Huyền Thanh, Phan lương Bái. 9- Tân Hội Thánh Chiêu Minh: Chuồng quân Cửu Trùng Đài Thiên Đức, 10- Hội Thánh Hậu Giang Minh Chơn đạo Lâm Huyền Châu: Bảo pháp Lý thanh Quang, 11- Hội Thánh Tiên Thiên Minh Đức: Thượng Chánh Phối Sư Thượng Tây Thanh (Trương đình Tây), 12- Nam Thành Thánh Thất (Cầu Kho tái lập): Chánh Hội trưởng Thiên Kinh Tĩnh Lê văn Cang, 13- Hội Thánh Chơn lý Định Tường (Cầu Vĩ Mỹ tho): Thái Đầu sư, Thái Cửu Nhứt (Quách Thanh Cửu) đồng ký tên. Bản Tuyên Bố Chung này đi theo với một Thỏa Ước gồm 18 Hội Thánh(?) đã ký cùng ngày với nội dung như trên, tất cả có 9 điều khoản cũng 13 vị trên thêm 5 vị nữa là: 14- Giáo hội Trung ương Tòa Thánh Cao Đài Việt Nam (Bình Đức-Định Tường: Quyền Chuồng quân Cửu Trùng Đài...; 15- Đại diện Tòa

Thánh Cao Đài Việt Nam (Bến Tranh - Định Tường), Đại Thành Cảm giác Ngọc Linh Thông (Đoàn văn Nhu); 16- Đại diện Hội Thánh Truyền giáo Trung Việt: Lương vĩnh Thuật; 17- Đại diện Hội Thánh Tiền giang (Gia Định): Ngọc Đầu Sư Phạm thành Mai; 18- Đại diện Hội Thánh Trung ương Tam quan: Giáo sư Châu...

Thì ra lá phướng và ý nghĩa của những từ ngữ mà Ôn Trên* đã bảo treo lên tại Tây Thành Thánh Thất* với từ ngữ *qui bá giáo hiệp ngũ* chỉ thời bấy giờ đã phản ảnh trung thực sự việc xảy ra (nhất là từ ngữ "bá giáo") khi trận mưa đã làm trôi đi tất cả. Tuy vậy, sau năm 1975, nghe đâu chính quyền cộng sản đã thổi phồng cái bóng ma thỏa ước này vì có ý lợi dụng bằng cách tổ chức những khóa huấn luyện có quay phim để tuyên truyền cho chế độ nhưng không kết quả nên mới bày ra trò *ban hiến chương** cho mỗi nơi gọi là pháp nhân, nhưng thật ra là một lối kiểm tra kiểu mặt vụ để ghép vào hình sự những tin đồn có ý không nghe theo họ mà thôi.

• thoát vòng sinh tử

délivré du cycle de naissance^F - delivered from the birth cycle^A - Không còn trong vòng sinh tử*, ý nói thoát khỏi kiếp* luân hồi*, đạt chánh quả Thiên vị nơi cõi Vô hình.

• Thomas. Saint Thomas d'Aquin (1225-1274)

Nhà Thần học Ý. Con của Bá tước D'Aquin, ông vào tu viện* Mont Cassin lúc 5 tuổi, rồi đến tu viện của người Dominicain ở Naples, nơi đây ông bắt đầu học Thần học*, văn chương và vạn vật học. Sau đó, ông đến Paris, nơi mà sự giáo dục của Albert le Grand đã tạo nên một thứ Cách mạng. Ông là môn đệ và theo Albert đến Cologne. Sau này, ông dạy học ở Paris rồi ở Ý. Ông trở lại Paris để tham gia sự bàn cãi của nhóm Averroès* (*Trường phái Alexandrie Hy Lạp*) và mất sau thời gian ở Ý trên đường đi dự hội Công đồng* ở Lyon. Trong nhiều thế kỷ, ông đã đưa ra một nền Thần học Đa Tô giáo* gồm những bài bình luận triết học* về Aristote* và về Kinh Thánh*.

• Thomas d'Aquin thuyết

Thomisme^F - Thomism^A - Học thuyết của Thánh Thomas d'Aquin được trình bày trong tác phẩm

Doctrine Angélique, đặc biệt trong sách *La Somme Théologique* là một thích nghi cho nền triết học kinh viện được giảng dạy đến thời đó vào nền triết học Aristote* mới đây vừa được khám phá ở Tây phương nhờ có công của các nhà bình phẩm Ả Rập Avicenne*, Averroès* và những bản dịch tiếng Hy Lạp của Guillaume de Moerbeke. Sự nghiên cứu này, khai triển bởi Abert Le Grand, thật là một cuộc cách mạng đánh dấu một khúc quanh quan trọng trong tư tưởng Trung Cổ đem lại sự phối hợp của nền Thần học Cơ Đốc giáo* - kiến thức của Chúa bởi sự khải thị* - và nền khoa học* thường mà không có sự trái ngược. Thế nên, thuyết Thomas trước tiên tìm sự thỏa hiệp giữa đức tin* và lý trí nghĩa là hai lĩnh vực khác nhau: những giáo điều* truyền giảng bởi Thánh kinh và nền triết học. Thánh Thomas đem lại một phương pháp lý luận để nắm bắt những chân lý* của đức tin, phương pháp cấp tiến, thực nghiệm và duy lý, phân tích và tổng hợp, đi từ kết quả đến nguyên nhân. Ông lập nên một nền Thần học* của kiến thức về Chúa, Thánh Thần* và giáo hội mà, bằng những giáo lệnh về Thánh thể, cho phép con người đi đến cuộc sống tương lai.

• thôi miên

hypnose^F - hypnosis^A - 催眠 - Giác ngủ gây bằng nhân tạo. Thôi miên có thể tạo thành bởi những phương pháp độc nhất tâm lý. Người ta phân biệt ba giai đoạn: 1- giai đoạn hôn mê thường bằng cách nhìn trực thị; 2- giai đoạn làm tê liệt (*làm mất cảm giác và những vận động tự nguyện*) do sự phóng ra bất thành linh một thứ ánh sáng chói lòa hay sự tạo ra một tiếng động mạnh bất ngờ; 3- giai đoạn thụ du được gây ra (*thực thi tự động của vô thức*). Lúc đó, người thôi miên cho ra những thực hiện của vô thức hay của người quên đi, diễn tả bằng một lời nói gọi ra các kỷ niệm xưa hay mới có mà ý thức đã quên hay để thụt lùi những bí mật của cá nhân. Người thôi miên hay nói cho đúng sự gọi nên thôi miên (*sự thôi miên do nhân tạo*) đã được dùng như những phương tiện phân tích tâm lý để khám phá phần vô thức của con người và cũng để thú nhận tội lỗi hay điều sai quấy. Lại có khi dùng để chữa bệnh. Không phải ai cũng bị thôi miên được, những người như thế thường là những người nhạy cảm và dễ bị thôi miên mà thôi.

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

• Thông linh điển

Courant divin^F - Divine current^A - Điển linh khi được truyền qua một đồng tử*.

• Thông linh học

Spiritisme^F - Spiritism^A - 通靈學 - Một thông công giữa người và thế giới Thần linh*. Lai lịch sự kiện này đã rất cũ xưa trong các kinh sách các cựu giáo* bằng bạc không đâu là không có dưới nhiều hình thức khác nhau một cách cụ thể dù đã được hiểu theo một nghĩa nào. Tuy nhiên, còn phải chờ đến thế kỷ XIX mới có sự xuất hiện chính thức của Thông linh học vốn đã khai sinh từ 1847 tại Hydesville - Hoa Kỳ, nơi một nông trại của ông bà Fox có hai cô con gái là Margaret và Katie, 15 và 12 tuổi. Nông trại của họ đang sống thường có sự xuất hiện các hồn ma và từ đó có sự thông công giữa họ và những hồn đó. Nguyên do là một người nông dân tên là Charles Haynes góa vợ có 5 con đã làm công cho người chủ trước của nông trại này bị giết chết và chôn dưới hầm trại. Sự phát giác này đã tạo nên mối thông công giữa người sống và linh hồn* người chết làm sôi nổi tư tưởng giới Hoa Kỳ bởi sự nhập hồn vào hai cô gái bằng cách tạo tiếng động hoặc chấp nhận hoặc không khi có người phát ngôn các âm rồi ráp thành tiếng, nhờ đó họ biết được những chi tiết án mạng xảy ra và những sự kiện bên kia thế giới Vô hình. Sau đó là sự thực hiện lối xây bàn* đầu tiên theo sự chỉ vẽ của linh hồn người chết. Thế là, phong trào lan nhanh đến Âu châu qua các nước Anh Pháp Đức khoảng đầu thập niên 1850. Tại Pháp, phong trào đã gây được mức tín ngưỡng* sâu sắc đến bà Girardin và bà này đã làm môi giới cho thi hào Victor Hugo* đang lúc thương tiếc người con gái vừa qua đời để gặp lại nàng bằng cách xây bàn rất kết quả mà từ đó thi văn ông được mùi triết học* hơn trước. Rồi sau đó, các lý thuyết gia như Allan Kardec* và Flammarion đã nêu lên những chủ thuyết về xây bàn và Thông linh học làm nền cho sự khai triển Linh hồn học trên khắp thế giới. Thời Pháp thuộc, phong trào đến Việt Nam qua các tập san *Revue Spirite* và đã trở thành một phương tiện giúp nhóm phò loan* quý ông Cao Quỳnh Cư*, Phạm công Tắc*, Cao Hoài Sang*, Nguyễn trung Hậu*... trong sự tìm biết sự hiện hữu của linh hồn người chết và thế giới Vô hình một cách vô tư không bị

Đồng Tân

ảnh hưởng của bất cứ cựu giáo nào đã có trước khi thọ lãnh ngọc cơ*, một phương tiện thông công của nền đạo học* Đông phương* làm nền cho người đệ tử đầu tiên, đức Ngô Minh Chiêu* trực diện với Đức Cao Đài* từ 1919, khởi đầu cho sự xuất hiện Chánh pháp cứu độ* kỳ ba gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ* sau này. (Xem *Tân Thông Linh học*).

• Thông Sự

Sous gérant^F - Sub-manager^A - 通事 - Chức sắc* của đức Lý Giáo Tông* khuyên Hộ Pháp* lập thành, là người đồng cấp với Phó Trị Sự* trong một xã đạo, song có quyền về luật pháp chứ không có quyền về hành chánh đạo. Thông Sự là người của Hiệp Thiên Đài* để từng quyền Chánh Trị Sự*, làm trung gian hòa giải giữa Chánh và Phó Trị Sự trong công tác hành đạo, can gián bên vực cho môn đệ của Thầy* theo lẽ đạo về mọi phương diện. Khi Chánh Trị Sự được xem như Giáo Tông em thì Thông Sự là Hộ Pháp em.

• Thông thái

Savant^F - Savant^A - 通泰 - Một thành quả của giác thức* tiến bộ* khi tư tưởng con người nằm trong ngoại giới để đi vào lĩnh vực khám phá thiên nhiên vạn vật, hay nói cách khác là những hiện tượng vũ trụ theo khả năng bẩm sinh của con người. Các nhà Thông thái đã có từ nghìn xưa được biết nhiều nhất trong ngành Thiên Văn học*, đã đem thế giới nhân loại vào con đường văn minh* sáng sủa ngày nay, trong khi các Thánh nhân* tôn giáo* dù là Phật, hay Cơ Đốc cũng chỉ mò mẫm trong lý thuyết, có khi còn bao biện qua các huyền thoại không đầu mà không loại kinh điển nào không có, nhất là vụ án Galiléo tại pháp đình La Mã năm 1633 vẫn còn nhức nhối nhân loại cho đến bao giờ. Do đó, các nhà Thông thái với thành quả khám phá tuyệt diệu của họ, điển hình như Copernic*, Newton*, Einstein*, ông bà Curie* phải được xem như những Thánh nhân của khoa học* về phương diện kiến thức vật chất, cũng như Pasteur... là Thánh nhân về phương diện y học. Đó là những Thánh nhân khoa học có tư tưởng nằm trong ngoại giới mà sách Chung Quanh Vấn Đề Thi Nhân* của Đồng Tân đã đề ra cùng lúc với các Hiền triết* và Thi nhân* trong công trình xây dựng xã hội không thể không có.

• Thông Thiên dài

通天臺 - Một nhóm tín hữu trí thức từ Tây Ninh do hai người con ông Bảo Văn Pháp Quân* Cao quỳnh Diêu là Thôn và Nguơn Ngọc. Nhóm này đặt dưới sự lãnh đạo của quý ông Bác sĩ Nguyễn văn Nhã, Đốc phủ Lê quang Hộ, Điền chủ Quách văn Nghĩa, Đốc học Nguyễn văn Chiêu, Nguyễn trung Thắng, Đốc công Lê quang Nghi, Lê quang Tỉnh... Đáng Bề Trên nhóm này là Liễu Nhứt Chơn Nhơn* cho biết về sau nhóm này sẽ thay thế bộ phận Hiệp Thiên Đài* nên ông Phạm công Tắc* rất nề vì? Trụ sở chính của nhóm này là Thánh Thất Đồng Sơn, thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công. Ngoài ra lại có một đàn* riêng tại Sài Gòn, nơi tư gia của các ông kể trên. Từ 1980 có ông Trần văn Thanh, con ông Hội đồng Nghĩa ở Gò Công, người đồng thời và có nhiều liên hệ với ông Hộ Pháp Phạm công Tắc - cũng là phát ngôn về lai lịch Thông Thiên dài với Đồng Tân năm 1978 - đã cố tâm tiếp tục sứ mạng này, nhưng không rõ tông tích các ông trên như thế nào và hiện tại ra sao?!

• Thông Thiên học

Théosophie^F - Theosophy^A - 通天學 - Một hệ thống tôn giáo* xây dựng trên lòng mong ước về sự hiểu biết thiêng liêng*, sự thuyết giảng trên thể tài "*ai còn nhớ lại các cõi Trời*" (*qui se souvient des cieux*) và đang phục hồi lại giáo điều* riêng biệt về Thần linh* để tìm lại một tâm pháp và sự xâm nhập vào các lý thuyết. Họ thường gán gởi các nhà trực quan* và thường dùng các khoa học* huyền bí. Trong số những nhà Thông Thiên học hữu danh, người ta có thể kể Paracelse, Jacob Bolme, Swedenborg và Saint Martin. Tuy nhiên nền Thông Thiên học do bà Blavatsky lập nên mà học thuyết là sự thánh triết diễn tả sự siêu việt của tất cả các tôn giáo đã dựng nên bằng cách trở lại từ Thượng Cổ một loạt các kiếp* luân hồi* của những đại Hiền triết* đã từ bỏ thể xác mình để dạy đạo lý cho nhân loại. Bà Blavatsky tự cho rằng đã gặp trong rừng Hy Mã Lạp Sơn những Mahatma* (*Đại Thánh*) của Đại động Bạch Vân (*Grande Loge Blanche*) mà đó là các vị Thánh của Thông Thiên học. Họ xác nhận nhiều tín ngưỡng* của tôn giáo ở Ấn Độ như sự luân hồi chuyển kiếp. Họ ban truyền một thuyết về tam thể của con người: một tinh thể (*corps astral*) để thương yêu và cảm nhận, một thần thể

(corps mental) để suy tư và một xác thể (corps physique) để biết những cảm giác. Họ dành cho tâm pháp và khoa học thần bí một địa vị quan yếu. Trung tâm chính là Adyar, gần Madras, nhưng còn có những trung tâm ở Hoa Kỳ và Âu châu. Cũng có một nhóm chủ trương thống nhất các nhà Thông Thiên để khai triển nền đại đồng* nhân loại. Các nhà sáng lập bà Blavatsky, Trung tá Olcott, Annie Besant (với câu chuyện lên Thiên đình gặp các vị Thần linh trong các phòng làm việc như tại thế gian (!) thì không khỏi mang tính huyền thoại câu giáo* - nhận định của Đồng Tân) cùng với Leadbeater, Arundale và nhiều người khác đã viết nhiều tác phẩm chung quanh sự nghiên cứu các khả năng của con người về sự khám phá các bí mật của thiên nhiên.

• Thông tư cấm đạo tại Trung kỳ

Năm 1928, với sự bành trướng của phong trào tôn giáo* mới - Cao Đài giáo* - tại Nam kỳ là thuộc địa Pháp đang bắt đầu lan ra Trung kỳ là đất bảo hộ dưới quyền chính phủ đế quốc Nam triều thời Bảo Đại, một thông tư từ triều đình Huế như sau:

"Tờ thông tư về giáo Tin Lành và đạo Cao Đài không được truyền bá lưu hành tại xứ Trung kỳ.

Ngày 04 tháng 01 năm Bảo Đại thứ 3

Cơ Mật viện thông tư các nha tại kinh và các phủ tỉnh đạo tại ngoại:

Chiếu theo khoản thứ 13 trong hòa ước năm 1884, thời được truyền giáo, giảng giáo trong bản quốc, duy giáo Thiên Chúa mà thôi, ấy là thuộc về đồng tôn và các giám mục, linh mục, giáo sĩ về giáo La Mã mới được truyền thọ giáo pháp.

Gần đây, nghe được có Tân giáo "tức là hội Tin Lành" và đạo Cao Đài truyền giáo tại xứ Nam kỳ đã nhiều, mới đây đã tràn ra vài tỉnh phía Nam Trung kỳ, nếu hai giáo ấy truyền bá càng ngày càng nhiều, người tin theo càng ngày càng đông, thời những kẻ hiểu sự không khỏi mượn đó mà làm rối cuộc trị an trong bản hạt, mà nhơn dân phải mắc lầm, tức như tại Võ Trú và Trần Cao Vân năm trước đều nhơn sự truyền giáo mà phiền loạn, cho đến họa cập bình dân thiệt là gương trước mắt. Vậy nên thương đồng với các quan Công sứ, cấm chỉ Tân giáo ấy và đạo Cao Đài, chớ cho truyền bá lưu hành trong hạt Trung kỳ; hễ không tuân thời chiếu luật nghĩ trị. Khoản này đã thương quý

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

Khâm sứ Đại thần ý hiệp. Vậy nên thông tư cho các quan biết mà làm"

(theo Trung kỳ bảo hộ quốc ngữ công báo - số 1 năm 1928 - trang 6).

Nhưng thông tư này 7 năm sau lại đã do Thượng thư bộ Lễ: Tôn Thất Quảng ký tên ra ngày 19 tháng 6 năm 1935 với sự đồng thuận của Khâm sứ Trung kỳ do Patau ký một bản bằng Pháp ngữ nguyên văn như sau:

Ministère des Rites

No 1104 Huế le 19 Juin 1935

CIRCULAIRE

Le Ministre des Rites

à Messieurs les Mandarins Provinciaux en Annam, Plusieurs provinces m'ont rendu compte récemment d'une certaine activité de la part de propagandistes caodaïstes auprès de la population annamite du Trung kỳ. Je tiens à ce sujet à vous rappeler que la pratique et la propagande du Caodaïsme ou Bouddhisme rénové demeurent interdites en Annam en vertu des dispositions de la circulaire du conseil du Cơ Mật No 40 du 25ème jour du 1er mois de la 4ème année de sa Majesté Bảo Đại (6 Mars 1928) qui est toujours en vigueur, et qu'en conséquence les contrevenants s'exposent à des poursuites judiciaires. Je vous prierai de vouloir bien veiller à ce qua MM les Chefs de circonscription placés sous vos ordres avertissent la population de cette interdiction et que les dispositions de cette circulaire soient strictement appliquées.

Vous voudrez bien me rendre compte assitôt en prévenant MM les Résidents des provinces de toute manifestation ayant un caractère caodaïste.

Vu: Signé: Tôn thất Quảng.

Huế, le 22 Juin 1935

P. le Résident Supérieur en Annam et p.d.

L'Administrateur Directeur des Bureaux,

Signé,

PATAU

Đồng Tân có dẫn chứng Thông tư này của thực dân Pháp trong bộ Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển III - Phần Phổ Độ 2: Sự truyền bá Trung Bắc Việt Nam* xin tham khảo sẽ rõ hơn.

• thờ Ông Bà

Le culte des ancêtres^F - Ancestor worship^A - Thờ

Dòng Tàn

ông bà là một việc chung nhưng không phải đâu đâu cũng làm. Nó có nhiều di tích tại những xã hội Tây Phi châu (*Bantu và Shona*), tại Polynésie và Mélanésie (*Dobu và Manus*), trong các dân tộc Ấn Âu (*Cổ Scandinaves và Đức*) và đặc biệt ở Trung Hoa và Nhật Bản. Nói tổng lại, Tổ tiên phải được tin là có rất nhiều quyền lực và khả năng đặc biệt để ảnh hưởng trên mọi sinh hoạt và kiểm soát cuộc sống của thân nhân còn trên dương thế*. Phò hộ cho gia đình là một trong những phần quan trọng của họ. Tổ tiên được xem như làm trung gian giữa Đấng Thượng Đế* tối cao cùng Thần linh* và nhân gian và có thể liên lạc với họ bằng chiêm bao hay tư thế. Thái độ đối với Tổ tiên là sự lo sợ hay nhắc nhở. Nếu con cháu lười biếng thì Tổ tiên sẽ làm cho bị đau khổ hay mất mát. Sự lạy lức, cầu xin, van vái và hiến dâng là những cách mà người sống có thể liên lạc với Tổ tiên. Việc thờ phượng ông bà thường đặt nơi trang nghiêm tại tư gia để giữ sự liên hệ giữa quá khứ và hiện tại mà người sống cần có sự duy trì truyền thống gia tộc và làm mẫu mực của những trưởng thượng trong gia đình. Các học giả đều xem đó như là một nguồn sống cá nhân tốt đẹp trong sự điều hòa bền vững của xã hội. Đó là quan điểm của người Tây phương. Về tín ngưỡng* Đông phương* đây là một trong những thực thi tôn giáo* cổ xưa nhất trùng hợp với sự thờ người chết trong nhà. Linh hồn* hay nhị xác thân* tiếp tục sống một cuộc sống khác. Họ cũng cần có thực phẩm - dù chỉ hưởng bằng mùi vị - và sự bảo bọc hay sự chăm sóc về phía người sống. Có nơi xương sọ người chết thường được trang sức, hoặc trong những chòi, hoặc trong những nhà (*maison des hommes*) như ở Úc châu. Tại Trung Hoa, sự thờ cúng* Tổ tiên đã có từ xã hội sơ khai đi đôi với việc thờ Thiên - Đế. Sách Lễ Ký có câu: "*Vạn vật bản hồ Thiên, nhân bản hồ Tổ*" (*Vạn vật có nguồn cội từ Trời, con người có nguồn cội từ Tổ tiên*). Từ đó, việc thờ cúng Tổ tiên là căn bản tôn thân của Khổng giáo* với ý nghĩa sự thờ cúng tại tư gia bảo đảm trật tự xã hội và việc thờ tự đến năm đời (*cũng có nghĩa là đến ông Tổ thứ năm*). Tại Việt Nam thì bàn thờ* Tổ tiên thường có bài vị* Cửu Huyền Thất Tổ* cho thấy mối liên hệ thân tộc phải được giữ nguyên vẹn đến đời ông Tổ thứ bảy liên hệ từ vị này đến chín đời sau tức là đời cháu nội của chủ nhà. Cao Đài giáo* trong phần nhơn đạo có sự thờ

cúng ông bà xem như một lễ giáo căn bản. Từ đó đạo hiếu* của Nho giáo* đi đầu mà mọi giá trị con người không thể thiếu đi. Cụ thể là một khi con người không thờ kính cha mẹ ông bà thì dù có địa vị gì trong xã hội cũng sẽ bị xem như là hạng phi nhân. Cũng từ đó mà các tôn giáo không chấp nhận nghi thức thờ ông bà đều được xem như một tà giáo chứ không thể là chánh giáo* vì đã quên nguồn cội trực hệ của mình thì có thờ vị nào khác cũng xem như mê tín mà thôi.

• thờ phụng

culte^F - cult, worship^A - Sự tôn kính dâng lên Thượng Đế* hay cho các đấng Thần linh*, và, nói rộng ra, tập hợp các nghi lễ của một tôn giáo*, hay đúng hơn, tôn giáo ấy được đề ra trong các nghi lễ. Lúc đó, chính là sự thờ phụng bề ngoài đối lại với sự thờ phụng bên trong là các lời cầu nguyện* và sự mộ đạo tâm niệm. Người ta cũng phân biệt sự thờ phụng tư và sự thờ phụng công. Các công việc thờ phụng thì do một chức sắc* đặc trách. Mỗi tôn giáo có sự thờ phụng riêng với những nghi lễ khác nhau. Nơi những người Hébreux, sự thờ phụng có vật hy sinh* thì do một cấp giáo phẩm* dòng Lévi, nhưng với Do Thái giáo*, sự thờ phụng được thực thi trong tu viện* bởi những giáo phẩm, chỉ còn là những lời cầu nguyện, cầu khẩn, đọc Thánh ca* Torah* hay những thi thiên và ân huệ. Sự thờ phụng tại gia của Sabbath* rất quan trọng và gồm nhiều lễ lạt theo các chu kỳ trong năm. Trong Hồi giáo*, không có lễ cúng* kiến, nhưng là những nghi lễ cầu nguyện và sự bó buộc của 5 bốn phận* người tín đồ. Đối với người Phật giáo*, sự đi tìm đạo không phải thật sự là sự thờ cúng, nhưng sự hành hương*, sự lặn tràng hạt, sự tịnh luyện*, sự dâng hoa, dâng hương, sự chấp tay chào (*enjali*) đánh dấu sự thực hành đơn giản của tôn giáo này. Nơi Lạt Ma giáo* Tây Tạng thì âm nhạc và cả sự nhảy múa đóng vai trò quan trọng trong những lễ lạt tôn giáo. Trong Ấn Độ giáo*, giai cấp thầy cúng bảo đảm sự thờ phụng nơi các đền thờ lớn gồm có phép xúc dầu*, rước lễ, phép thụ ý của thần tượng và đôi khi vật hy sinh, nhưng thường thì có một lễ tư gia gồm có lễ rửa tội, lễ cầu nguyện và lễ hiến dâng thường nhật. Trong Cơ Đốc giáo*, sự thờ phụng tư gồm trong sự thực hành đức tin* Đa Tô hay Tin Lành và những điều răn, nhưng sự thờ phụng công

thì khác hẳn tùy theo những sắc thái khác nhau của Cơ Đốc giáo. Những nhà thờ Đông phương* còn giữ những phần sử dụng xưa quan trọng hóa các lễ lạt cúng hiến. Trong khi Tin Lành giáo* thì bỏ tất cả các hình thức khác ngoài sự truyền giảng. Giáo hội Da Tô* La Mã đề nghị tín đồ phải đến các giáo sĩ*, phần nhiều là bắt buộc, như sự tham dự các lễ Misa, sự thi hành các Thánh lễ và những giới luật* khác. Về sự thờ phụng bề ngoài của Cơ Đốc giáo thì có ba lễ lớn; lễ cúng tại các nhà thờ, nơi hành hương dâng Chúa do các Thần học Latrîe (tiếng Hy Lạp gọi thầy cúng) hoặc cúng Thánh Thần thì là sự biểu lộ lòng tôn kính gọi là Dulie (cũng tiếng Hy Lạp chỉ sự tôn kính), còn lễ cúng thứ ba cũng quan trọng gọi là Hyper-dulie dành cho Thánh Mẫu đồng trinh Maria. Cũng có sự thờ hình tượng và các Thánh tích* nhưng không phổ thông. Cao Đài giáo* thì có các lễ tại Thánh Thất* và đặc biệt nơi Thánh đường có các đại lễ hằng năm với nhạc và lễ sĩ* dâng Tam bửu* (hoa, nước âm dương và rượu) theo nghi thức chữ tâm vào những ngày kỷ niệm Đức Thượng Đế (mùng 9 tháng giêng âm lịch), ngày Thượng nguồn* (rằm* tháng giêng), Trung nguồn (rằm tháng 7), Hạ nguồn* cùng lễ Khai Đạo (rằm tháng 10). Ngoài ra còn các ngày khác như lễ Đức Diêu Trì Kim Mẫu hay lễ Phó Yến Diêu Trì* vào ngày rằm tháng 8 và các ngày kỷ niệm kỵ nhật các nhà Khai Đạo như đức Ngô Minh Chiêu* (13 tháng 3 âm lịch), ông Lê văn Trung* (14 tháng 10 âm lịch)... Riêng tại tư gia thì thường là tiểu lễ*, gia chủ sắm đủ lễ phẩm Tam bửu dâng lên sau khi tụng các bài kinh nhựt tụng. Tuyệt đối không dùng vật hy sinh dù với hình thức nào. Trường hợp lễ thành hôn* và tang lễ* thì có nghi thức đặc biệt riêng.

- thời vận

sort^f - fate^A - Hạn số của một người thay đổi tùy theo thời gian mà họ gặp phải cũng như tình trạng một dân tộc quốc gia không tránh khỏi dù có nguyên do đưa đẩy được biết hay không.

Hội Văn Hóa Cao Đài - Đồng Tân Trần Thái Chân